CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW về "Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới"

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới";

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới".

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (3b) TB.202

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về "Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trongbối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới"

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...38 /NQ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

Ngày 05 tháng 11 năm 2016, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW về "Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới" (sau đây gọi là Nghị quyết 06).

Đây là Nghị quyết có ý nghĩa rất quan trọng, cụ thể hóa đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và chủ trương coi "hội nhập quốc tế là định hướng lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Chính phủ ban hành Chương trình hành động này với mục tiêu tiếp tục cụ thể hóa các nhiệm vụ chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết. Chương trình hành động này sẽ xác định các nội dung công việc cụ thể, lộ trình, thời gian thực hiện mà các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương cần tập trung triển khai trong thời gian tới.

II. NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ

Để đạt được mục tiêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cụ thể hóa và tập trung tổ chức triển khai thực hiện các nội dung công việc sau đây:

1. Thông tin, tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền rộng rãi và sâu rộng nội dung của Nghị quyết 06, chủ trương hội nhập sâu và toàn diện của đất nước trong giai đoạn phát triển mới, yêu cầu bảo đảm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phương hướng, nhiệm vụ trọng yếu của hội nhập quốc tế trong từng

ngành, từng lĩnh vực đến các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức Đảng các cấp, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân.

b) Nâng cao nhận thức về các cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có việc cam kết thực hiện các Thỏa thuận kinh tế, Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các công ước mà Việt Nam đã tham gia, phê chuẩn.

c) Tuyên truyền rộng rãi chủ trương coi "hội nhập quốc tế là định hướng lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Xã hội Chủ nghĩa" đến các đối tác, cộng đồng quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Tăng cường các hoạt động đa dạng, trên nhiều phương thức nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, thông tin về quá trình hội nhập và phát triển của Việt Nam tới các nước trên thế giới. Triển khai hiệu quả Chiến lược thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 - 2020.

d) Đẩy mạnh triển khai các hoạt động tuyên truyền về Cộng đồng ASEAN để tăng cường quan hệ ngoại giao, hợp tác gắn kết giữa Việt Nam với các nước trong khu vực, đồng thời thể hiện sự quan tâm, đóng góp của Việt Nam đối với sự phát triển chung của Cộng đồng.

2. Nâng cao năng lực thực hiện hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

a) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật với lộ trình cụ thể, hướng tới các chuẩn mực quốc tế, loại bỏ dần các biện pháp mệnh lệnh - hành chính. Chú trọng nội luật hóa những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tăng cường năng lực thực thi pháp luật; phát triển đồng bộ các dịch vụ pháp lý, đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ pháp lý.

b) Xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là Chính phủ kiến tạo. Thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cải cách tư pháp, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương.

c) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, nhất là nâng cao nhận thức về đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế cùng với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và phát triển năng lực hội nhập quốc tế. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu sâu về lý luận và thực tiễn hội nhập quốc tế phục vụ triển khai hội nhập quốc tế trong từng ngành, từng lĩnh vực và cấp độ.

d) Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục quốc dân; đẩy

mạnh chuyển giao công nghệ, dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh.

đ) Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, bảo đảm tính kết nối, gia tăng liên kết vùng, khu vực và quốc tế; cung cấp dịch vụ, phát triển hệ thống phân phối và lưu thông hàng hóa với chất lượng cao. Ưu tiên đầu tư và đa dạng hóa các loại hình thu hút vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là giao thông.

e) Rà soát kỹ các cam kết quốc tế và trên cơ sở luật pháp Việt Nam, chuẩn bị những giải pháp kỹ thuật phù hợp (tiêu chuẩn công nghệ, vệ sinh an toàn thực phẩm, xuất sứ - nguồn gốc, bảo vệ môi trường...) nhằm bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế song song với bảo vệ lợi ích của Việt Nam, hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp, các mặt hàng của Việt Nam.

g) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế, các Ban Chỉ đạo liên ngành trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị - quốc phòng - an ninh, văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khác, thực hiện hiệu quả Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn 2030; bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành, phối hợp, kiểm tra, giám sát các hoạt động hội nhập quốc tế hiệu quả, thống nhất, nhịp nhàng giữa các ngành, các lĩnh vực, từ trung ương đến địa phương.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế

a) Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế, thúc đẩy hội nhập và giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Trọng tâm là thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt; phối hợp hiệu quả giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác, bảo đảm an toàn nợ công, giảm bội chi ngân sách; giữ vững an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia.

b) Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy nhanh quá trình hình thành, phát triển đồng bộ và thông suốt các loại thị trường. Đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu trên cơ sở đảm bảo an toàn hệ thống, nâng cao hiệu quả hoạt động các tổ chức tín dụng, từng bước cải thiện năng lực cạnh tranh quốc tế của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

c) Trong 5-10 năm tới, tập trung thực hiện các thỏa thuận, cam kết trong các hiệp định kinh tế thương mại đã ký kết. Trong trường hợp cần ký kết, tham gia các hiệp định mới, phải được xem xét thận trọng.

d) Triển khai mạnh mẽ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh. Tập trung cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, cải thiện đời sống nhân dân ở nông thôn.

đ) Thực hiện các biện pháp nâng cao năng suất lao động; huy động mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế; tạo động lực cho các thành phần kinh tế tiếp tục sáng tạo, phát huy tiềm năng sẵn có.

e) Bổ sung và kiện toàn cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp. Xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp... đảm bảo nguyên tắc phù hợp với các cam kết mà Việt Nam đã tham gia.

g) Khẩn trương điều chỉnh và hoàn thiện chiến lược thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI theo hướng chú trọng các FDI sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, tạo hiệu ứng phát triển lan tỏa rộng, kết nối với công nghiệp trong nước. Xây dựng và triển khai các chính sách khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp phụ trợ; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

h) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, triển khai biện pháp cải thiện, nâng cao năng suất lao động của Việt Nam.

4. Phát triển công nghiệp, nông nghiệp và nông thôn

a) Tập trung cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trọng tâm đẩy nhanh phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ, có tỷ trọng giá trị quốc gia và giá trị tăng thêm cao. Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ và đa dạng hóa nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước.

b) Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới, cải thiện đời sống nhân dân ở nông thôn. Tập trung phát triển ngành nông nghiệp với các sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất cao, có giá trị lớn và có khả năng xuất khẩu.

c) Khẩn trương hình thành kế hoạch tổng thể phát triển những những mặt hàng, sản phẩm Việt Nam có thế mạnh. Đồng thời, chuẩn bị những giải pháp ứng phó, hỗ trợ đối với những ngành hàng, mặt hàng chịu tác động lớn, trực tiếp từ biến động thị trường quốc tế.

d) Tận dụng quá trình hội nhập quốc tế, các hiệp định thương mại đã ký kết để tìm kiếm, phát triển thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông sản thế mạnh của Việt Nam.

5. Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh

a) Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại làm nòng cốt bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

b) Chủ động, phát hiện, đấu tranh kịp thời với những biểu hiện sai trái lợi dụng hội nhập quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia nước ta, đưa ra những yêu cầu có tính áp đặt về chính trị đối với ta; chống tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, tội phạm kinh tế, khủng bố,…

c) Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển và hội nhập. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn. Tăng cường hiệu quả của các lực lượng thực thi pháp luật, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Trong quá trình triển khai các dự án, công trình kinh tế phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng – an ninh, nhất là tại các khu vực phòng thủ, những vị trí trọng yếu, chiến lược.

d) Xác định các lĩnh vực, đối tác cần thúc đẩy hợp tác cũng như các vấn đề cần đấu tranh để bảo đảm giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, tội phạm kinh tế, khủng bố, … tạo mội trường sản xuất, kinh doanh lành mạnh, ổn định, phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của đất nước.

đ) Kết hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và tính tất yếu của hội nhập quốc tế với tăng cường công tác giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân để nhận thức rõ âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng hội nhập quốc tế của Việt Nam để tiến hành diễn biến hòa bình chống phá Việt Nam.

6. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và vị thế quốc tế trong quá trình hội nhập

a) Chủ động kiến tạo cục diện chiến lược để duy trì môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Nắm chắc chủ trương, phương châm chỉ đạo để bảo đảm linh hoạt trong hợp tác và đấu tranh nhằm phát huy tối đa sức mạnh toàn dân tộc.

b) Đẩy mạnh và chủ động làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển và an ninh của đất nước, chủ động và tích cực tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN,

đưa các khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào thực chất, tạo sự đan xen, gắn kết lợi ích giữa nước ta với các đối tác.

c) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để duy trì môi trường hòa bình, ổn định, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước nhằm tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nhất là năng lực quản lý và thực thi pháp luật trên biển. Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động xây dựng và thực hiện khuôn khổ pháp lý chung tại khu vực phù hợp với lợi ích và khả năng của Việt Nam.

7. Bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc

a) Nâng cao hiệu lực quản lý về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập toàn diện và bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông.

b) Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện trị trường văn hóa. Khai thác khía cạnh kinh tế của văn hóa, nâng cao giá trị văn hóa trong các sản phẩm mang đặc trưng, đặc sắc của mỗi địa phương. Giữ vững và không ngừng phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

c) Đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương về văn hóa. Lồng ghép các hoạt động hội nhập quốc tế trong quá trình xây dựng và triển khai chiến lược bảo tồn, phát huy và quảng bá văn hóa.

d) Chủ động nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về nội dung sản phẩm văn hóa, kiên quyết đấu tranh chống, ngăn chặn sự xâm nhập của những sản phẩm văn hóa không lành mạnh từ bên ngoài xâm nhập vào Việt Nam.

đ) Các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức các chương trình văn hóa có yếu tố nước ngoài tại địa phương mình hoặc ở nước ngoài nhằm giới thiệu, quảng bá những nét văn hóa độc đáo của địa phương; đồng thời chủ động mở rộng giao lưu, hợp tác với các thành phố, địa phương trên thế giới.

8. Đối với vấn đề lao động và xã hội

a) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, thiết chế về lao động, việc làm, an sinh xã hội phù hợp với các cam kết, tiêu chuẩn quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Tăng cường năng lực thanh tra lao động.

b) Sớm hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh các quan hệ lao động, quan hệ xã hội, đặc biệt là những hoạt động phát sinh khi hình thành các tổ chức xã hội về quan hệ lao động, bao gồm sửa đổi bổ sung Bộ luật Lao động.

c) Chủ động và triệt để thực hiện giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc, đảm bảo công bằng xã hội. Chủ động xây dựng và thực

hiện chính sách đảm bảo trợ giúp xã hội cho nhóm đối tượng chịu tác động không thuận của quá trình hội nhập.

d) Bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động, mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản cho con người như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở tất cả các tuyến. Nhân rộng mô hình bệnh viện vệ tinh và bác sĩ gia đình. Tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo.

đ) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu, tham gia vào thị trường lao động khu vực và toàn cầu.

9. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

a) Thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường trong chương trình giáo dục quốc gia ở tất cả các cấp. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm. Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn phát thải theo lộ trình phù hợp.

b) Chủ động triển khai mạnh mẽ các biện pháp cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Kiểm soát chặt chẽ nguồn ô nhiễm. Hạn chế, tiến tới ngăn chặn hoàn toàn tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu công nghiệp, khu đô thị. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng.

c) Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và đối với môi trường. Thúc đẩy xã hội hóa công tác vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường; ngăn chặn, thông báo, tố cáo những hành vi vi phạm, hủy hoại môi trường.

d) Khai thác, sử dụng khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, hoàn thiện quy hoạch và tăng cường quản lý, giám sát, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

đ) Khai thác và sử dụng bền vững nguồn nước; chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và quản lý sử dụng bền vững nguồn nước xuyên quốc gia. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

e) Tăng cường các biện pháp về tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường tới toàn dân, toàn xã hội nhằm nâng cao ý thức của cộng đồng đối với sự phát triển bền vững của Việt Nam và thế giới.

10. Chủ trương và chính sách đối với việc đổi mới tổ chức hoạt động của tổ chức công đoàn và sự ra đời hoạt động của các tổ chức người lao động

a) Đối với tổ chức công đoàn Việt Nam:

- Củng cố và phát huy vai trò của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trong bảo vệ quyền lợi của người lao động, xử lý thỏa đáng và kịp thời các vấn đề nảy sinh trong vấn đề lao động, việc làm, quan hệ lao động góp phần

giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Nâng cao vị thế của tổ chức Công đoàn trong xã hội.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các Tổ chức Công đoàn cơ sở trong tiến trình hội nhập quốc tế, trong đó tập trung chỉ đạo đổi mới tổ chức và hoạt động để Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ động thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp và Luật Công đoàn, đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, dân vận tại nơi làm việc và tại nơi cư trú của gia đình người lao động về quyền lợi hợp pháp, nghĩa vụ công dân để người lao động tuân thủ pháp luật, tham gia các tổ chức cơ sở của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Nhà nước quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện để các tổ chức Công đoàn cơ sở có nguồn lực đủ mạnh để đảm bảo cho các hoạt động của tổ chức Công đoàn trong việc đại diện, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, thu hút người lao động và tổ chức của người lao động mới thành lập tham gia Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

b) Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức người lao động

- Quản lý hiệu quả quá trình ra đời và hoạt động của các tổ chức của người lao động ở doanh nghiệp thông qua các biện pháp: điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các quy phạm pháp luật điều chỉnh quá trình đăng ký ra đời và hoạt động của các tổ chức này phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế; tổ chức bộ máy quản lý và có cơ chế, thiết chế thích hợp hướng dẫn, hỗ trợ và quản lý để các tổ chức của người lao động hoạt động có hiệu quả trong việc xây dựng quan hệ lao động lành mạnh tại doanh nghiệp, đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động trong khuôn khổ pháp luật.

- Đảm bảo việc ra đời và hoạt động nằm trong phạm vi quan hệ lao động, phát hiện sớm và xử lý kịp thời nếu vi phạm.

- Về đối ngoại, thông tin kịp thời cho các đối tác nước ngoài về nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện cam kết quốc tế trong vấn đề về quan hệ lao động, tình hình đăng ký và hoạt động của các tổ chức của người lao động; kiên quyết đấu tranh với các âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề này để can thiệp vào công việc nội bộ, tạo dựng lực lượng đối lập để chống phá từ bên trong.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động này và căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi các Ban Chỉ đạo liên ngành về hội nhập quốc tế kết quả thực hiện, đồng thời sao gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế.

3. Văn phòng Chính phủ tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này. Bộ Ngoại giao làm đầu mối hàng năm tổng hợp, xây dựng báo cáo và đề xuất các kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ về các biện pháp cần thiết, bảo đảm chương trình được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

4. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và thu xếp nguồn ngân sách để thực hiện Chương trình hành động.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, các Bộ, ngành, địa phương chủ động báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế xem xét, quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số ... /NQ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	**Thông tin, tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết**				
1.1	Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược thông tin đối ngoại giai đoạn 2013 – 2020.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
1.2	Xây dựng và triển khai Dự án "Nâng cao chất lượng đội ngũ phóng viên, biên tập viên, công tác viên, tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế ở các cấp" và Dự án "Xây dựng hệ thống tài liệu tuyên truyền định hướng báo chí và dư luận"	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành liên quan, các địa phương	Dự án	2018
1.3	Xây dựng và triển khai Đề án "Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về quyền con người ở Việt Nam"	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành liên quan, các địa phương	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	2017
1.4	Xây dựng Cổng thông tin điện tử tích hợp cơ sở dữ liệu tổng hợp cung cấp đầy đủ các thông tin văn kiện, tài liệu thiết yếu về các sự kiện hội nhập quốc tế, các hiệp định thương mại tự do.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạchvà Đầu tư, Bộ Ngoại giao	Cổng thông tin	2018

1.5	Tổ chức tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ tuyên truyền cho phóng viên, nhà báo, đội ngũ tuyên truyền viên cơ sở về chủ đề hội nhập quốc tế	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao	Các khóa tập huấn, đào tạo	Hàng năm
1.6	Xây dựng và xuất bản các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền về tiềm năng hợp tác kinh tế và hội nhập quốc tế của Việt Nam, giải thích và làm rõ các cam kết trong các thỏa thuận thương mại tự do.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao	Sách tư liệu, phim, phóng sự, tài liệu, các ấn phẩm tuyên truyền	2017- 2020
2	**Hội nhập kinh tế quốc tế**				
2.1	Xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành liên quan	Nghị quyết trình Chính phủ.	2017
2.2	Xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thu hút, đổi mới quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2025 theo hướng góp phần phát triển xanh, bền vững	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành liên quan	Nghị quyết trình Chính phủ.	2017
2.3	Tổ chức các lớp bồi dưỡng về hội nhập quốc tế, bồi dưỡng nghiệp vụ, ngoại ngữ biên phiên dịch dành cho cán bộ đối ngoại địa phương.	Bộ Ngoại giao	Bộ Công Thương, các địa phương	Các lớp bồi dưỡng và khóa đào tạo	Hàng năm

2.4	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và năng lực hội nhập quốc tế cho đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý hoạt động khoa học, công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao	Các chương trình, khóa đào tạo, bồi dưỡng	Hàng năm
2.5	Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực về hội nhập quốc tế cho cán bộ công chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao	Các khóa tập huấn, đào tạo	Hàng năm
2.6	Rà soát bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật để bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá phù hợp...	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tư pháp	Báo cáo trình Chính phủ	Hàng năm
2.7	Xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, thông qua chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ		Chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia	2018
2.8	Xây dựng và trình Chính phủ Đề án tổng thể về chính sách cạnh tranh quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành liên quan	Đề án trình Chính phủ	2017

2.9	Đảm nhiệm vai trò Chủ tịch luân phiên Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN	Bộ Xây dựng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) về dịch vụ ASEAN: MRA về dịch vụ kiến trúc.	2018, 2019
2.10	Đảm nhiệm vai trò thành viên chính thức của dự án Kiến trúc sư APEC	Bộ Xây dựng	Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo kết quả triển khai	Từ 2018
2.11	Chương trình mục tiêu về công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, liên quan, các địa phương	Chương trình trình Thủ tướng Chính phủ	2017
2.12	Triển khai Đề án thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào ngành giao thông vận tải đến năm 2020.	Bộ Giao thông Vận tải	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	2016 - 2020
2.13	Xây dựng và tổ chức triển khai Đề án tái cơ cấu tổng thể lĩnh vực vận tải định hướng tới 2025	Bộ Giao thông Vận tải	Các bộ, ngành liên quan	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	2018
2.14	Tăng cường năng lực hạ tầng tiêu chuẩn đo lường chất lượng để triển khai các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành	Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	2017-2020

2.15	Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế nền tảng sinh học.	Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan	Chiến lược trình Thủ tướng Chính phủ	2018
2.16	Xây dựng và tổ chức triển khai Đề án mở đường bay trực tiếp từ các quốc gia, địa bàn trọng điểm đến Việt Nam nhằm thúc đẩy đầu tư phát triển, tăng cường giao lưu, hội nhập quốc tế	Bộ Giao thông Vận tải	Các bộ, ngành liên quan	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	2018
2.17	Tham gia hệ thống kiểm soát vệ tinh quốc tế	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các nhà khai thác vệ tinh(VNPT)	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm
2.18	Xây dựng chiến lược đề cử cán bộ tham gia vào các vị trí điều hành của các tổ chức quốc tế như Liên minh viễn thông quốc tế (ITU), Liên minh viễn thông khu vực châu Á-TBD (APT), đồng thời tạo điều kiện để các cán bộ được cử vào các Ủy ban thể lệ vô tuyến thế giới (RRB) hoặc các vị trí điều hành của các Hội nghị quốc tế chuyên sâu về tần số.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Ngoại giao	Chiến lược trình Thủ tướng Chính phủ	2018
2.19	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh mạng Internet quốc gia, ứng dụng các công nghệ mới Ipv6, DNSSEC vào quản lý, vận hành hệ thống	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, liên quan, các địa phương	Hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh mạng internet quốc gia	2018

2.20	Nghiên cứu và xây dựng kế hoạch tham gia của Việt Nam, với tư cách là thành viên, trong Hội đồng điều hành (CA) của Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU) nhiệm kỳ 2017-2020.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Ngoại giao	Kế hoạch tham gia	2017
2.21	Sửa đổi Luật sở hữu trí tuệ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành liên quan	Dự thảo Luật sửa đổi	2017-2020
2.22	Quy định, hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia.	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành liên quan	Nghị định của Chính phủ	2017
2.23	Quy định thủ tục điện tử đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2017
2.24	Quy định về hàng hóa vận chuyển đường biển (quá cảnh, trung chuyển, chuyển cảng).	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành liên quan	Nghị định của Chính phủ	2017
2.25	Hướng dẫn kiểm tra xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam ký kết	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành liên quan	Thông tư của Bộ Tài chính	2018
2.26	Cập nhật hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam theo thông lệ quốc tế	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành liên quan	Thông tư của Bộ Tài chính	2020
2.27	Đề án lộ trình tự do hóa các giao dịch vốn phù hợp với các cam kết quốc tế giai đoạn 2016-2020	Ngân hàng Nhà nước	Các bộ, ngành liên quan	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	2017
2.28	Đề án đẩy mạnh việc tham gia vào các thể chế tài chính, tiền tệ, ngân hàng khu vực và quốc tế	Ngân hàng Nhà nước	Các bộ, ngành liên quan	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	2018

3	**Hội nhập quốc tế về chính trị - quốc phòng – an ninh**				
3.1	Xây dựng và triển khai Đề án Hội nhập quốc tế về quốc phòng đến năm 2020	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành liên quan	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	2017
3.2	Thực hiện vai trò chủ nhà Năm APEC 2017	Ủy ban Quốc gia Năm APEC 2017 (Bộ Ngoại giao là đầu mối)	Các bộ, ngành liên quan	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	2017
3.3	Triển khai Đề án về phương hướng và biện pháp Việt Nam tham gia ASEAN đến 2025; chuẩn bị nhân lực và năng lực tham gia hợp tác ASEAN, BTK ASEAN và vai trò Chủ tịch ASEAN 2020.	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm
3.4	Ứng cử vào Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021.	Bộ Ngoại giao	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an,	Đề án và Báo cáo kết quả triển khai	2020
3.5	Thực hiện vai trò thành viên ECOSOC nhiệm kỳ 2016-2018; Hội đồng chấp hành UNESCO, Ủy ban Luật pháp, thực hiện các cam kết tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình LHQ; các tổ chức nhân dân tham gia vào các diễn đàn LHQ và các tổ chức quốc tế khác.	Bộ Ngoại giao	Bộ Công Thương. Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo kết quả triển khai	2016 - 2020

4	**Hội nhập quốc tế về văn hóa – xã hội, giáo dục-đào tạo, khoa học-công nghệ, tài nguyên-môi trường**				
4.1	Sửa đổi, bổ sung pháp Bộ luật lao động	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành liên quan	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động	2018
4.2	Sửa đổi Luật du lịch	Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch	Các bộ, ngành liên quan	Dự thảo Luật sửa đổi	2018
4.3	Triển khai Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến 2020 và tăng cường tham gia của ta tại UNESCO và một số tổ chức, diễn đàn đa phương về văn hóa, giáo dục, khoa học, xã hội.	Bộ Ngoại giao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm
4.4	Xây dựng, ký kết các Hiệp định quốc tế song phương và đa phương về Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Các bộ, ngành liên quan	Các thỏa thuận quốc tế	Hàng năm
4.5	Xây dựng giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu công nghệ tiên tiến trong bảo vệ môi trường.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ/ngành liên quan.	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	2018
4.6	Xây dựng và thực hiện các đề án bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ/ngành liên quan.	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ.	2018

4.7	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về giảm phát thải khí CO2 trong hoạt động hàng không dân dụng Việt Nam năm 2016-2020	Bộ Giao thông Vận tải	Các bộ, ngành liên quan	Kế hoạch triển khai	2017
4.8	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực bộ máy có liên quan ở Trung ương và địa phương	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành liên quan	Các lớp tập huấn	Hàng năm
4.9	Triển khai Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020 tầm nhìn 2030	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm
4.10	Đề án tăng cường cơ chế phối hợp trong nước giải quyết các vấn đề môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành liên quan	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2017